|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Số: /2017/TT-BKHCN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 24/2015/TT-BKHCN Quy định về thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành khoa học và công nghệ**

*Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra và Nghị định số 92/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành khoa học và công nghệ và Nghị định số 27/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ bồi dưỡng đối với công chức thanh tra chuyên ngành;*

*Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành khoa học và công nghệ.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 24/2015/TT-BKHCN Quy định về thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành khoa học và công nghệ như sau**:

*1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:*

**“Điều 3. Giải thích từ ngữ**

2. Công chức thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là công chức thanh tra chuyên ngành) là công chức làm việc trong các cơ quan: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, *Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi tắt là Tổng cục, Cục, Chi cục)*, được Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, *Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi tắt là Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chi cục trưởng)* giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ và được công nhận theo quy định của Thông tư này.”

*2. Bổ sung Điều 3a sau Điều 3 như sau:*

“**Điều 3a. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chi cục trưởng được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành**

Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chi cục trưởng được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành khoa học và công nghệ và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 27/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành khoa học và công nghệ và nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Trình cấp có thẩm quyền về thành lập bộ phận tham mưu hoặc quyết định giao đầu mối kiêm nhiệm tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại đơn vị. Việc thành lập bộ phận tham mưu thực hiện theo quy định của pháp luật;

2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ phận tham mưu, người đứng đầu bộ phận tham mưu; mối quan hệ công tác giữa bộ phận tham mưu và các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục, Chi cục về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính;

3. Quyết định phân công công chức thuộc quyền quản lý có đủ điều kiện, tiêu chuẩn thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;

4. Đề nghị cấp, thu hồi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

*3. Bổ sung Điều 3b vào sau Điều 3a như sau:*

**“Điều 3b. Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục, Cục và Chi cục**

1. Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục, Cục, Chi cục (sau đây gọi là bộ phận tham mưu) có chức năng tham mưu, giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chi cục trưởng tổ chức thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành trong phạm vi thẩm quyền quản lý của Tổng cục, Cục, Chi cục.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận tham mưu:

a) Tham mưu, giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chi cục trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 10 Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành khoa học và công nghệ và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 27/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 213/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành khoa học và công nghệ.

b) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng Chi cục trưởng xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của đơn vị và định hướng thanh tra của ngành khoa học và công nghệ và của ngành tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

c) Tham mưu, giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chi cục trưởng trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt; tổ chức thực hiện thanh tra thường xuyên và thanh tra đột xuất khi được Tổng cục trưởng, Cục trưởng , Chi cục trưởng giao;

d) Giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chi cục trưởng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo; tham mưu việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;

đ) Tham mưu, giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chi cục trưởng trong việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác thanh tra”.

*4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:*

“**Điều 6. Tiêu chuẩn công chức thanh tra chuyên ngành**

*Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chi cục trưởng quyết định công nhận công chức thanh tra chuyên ngành theo quy định của Thông tư này. Ngoài các* tiêu chuẩn *chung* quy định tại *k*hoản 1 Điều 12 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành*,công chức thanh tra phải đáp ứng* các tiêu chuẩn cụ thể sau:

*1. Đã được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên;*

*2. Nắm vững các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng cơ sở (đối với công chức thanh tra chuyên ngành của Tổng cục và của Chi cục)*, nắm vững các quy định về chuyên môn, quy tắc quản lý liên quan đến lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân (đối với công chức thanh tra chuyên ngành của Cục);

*3*. Có ít nhất 02 năm làm công tác chuyên môn trong lĩnh vực được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành (không kể thời gian tập sự);

*4*. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thanh tra được phân công thực hiện;

*5*. Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra (*đối với công chức thanh tra chuyển ngạch)*; chứng chỉ *hoặc chứng nhận* bồi dưỡng nghiệp vụ *cho công chức được giao thực hiện nhiệm vụ* thanh tra chuyên ngành *do cơ quan có thẩm quyền cấp”.*

*5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:*

“**Điều 7. Thẩm quyền, thủ tục công nhận, thôi công nhận công chức thanh tra chuyên ngành**

1. Tổng cục trưởng, Cục trưởng, *Chi cục trưởng* có thẩm quyền công nhận, thôi công nhận công chức thanh tra chuyên ngành.

*2. Trình tự thủ tục thủ tục công nhận, thôi công nhận công chức thanh tra chuyên ngành*

*a)* Vụ Pháp chế - Thanh tra của Tổng cục, Thanh tra Cục, *bộ phận tham mưu về công tác thanh tra tại Chi cục* (sau đây gọi chung là bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành) tiến hành rà soát, lựa chọn công chức đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6 Thông tư này lập hồ sơ *theo quy định tại khoản 3 Điều này* để trình Tổng cục trưởng, Cục trưởng, *Chi cục trưởng* xem xét, lựa chọn và quyết định công nhận công chức thanh tra chuyên ngành.

*b)* Trường hợp công chức thanh tra chuyên ngành thuộc một trong các trường hợp quy định tại *điểm a khoản 5* Điều này, bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành *lập hồ sơ* trình Tổng cục trưởng, Cục trưởng, *Chi cục trưởng* quyết định thôi công nhận công chức thanh tra chuyên ngành.

*3.* Hồ sơ đề nghị công nhận công chức thanh tra chuyên ngành gồm:

a) *Tờ trình*

*b) Danh sánh đề nghị công nhận công chức thanh tra chuyên ngành;*

*c)* Sơ yếu lý lịch theo mẫu 2C-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành mẫu biểu hồ sơ quản lý cán bộ, công chức có xác nhận của thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng công chức;

d) Bản sao Bằng *tốt nghiệp đại học;*

*đ) Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;*

*e) Bản sao Quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức.*

*4.* Quyết định công nhận công chức thanh tra chuyên ngành phải có các nội dung cơ bản sau đây:

a) Căn cứ ban hành quyết định;

b) Thông tin về công chức được đề nghị công nhận, gồm: Họ và tên, ngạch công chức, chức vụ đang giữ, lĩnh vực được giao thanh tra, làm chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

*5.* Quyết định thôi công nhận công chức thanh tra chuyên ngành.

a) Thôi công nhận công chức thanh tra chuyên ngành trong các trường hợp sau:

- Công chức được điều động, luân chuyển sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác không phải là cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ;

- Có đơn tự nguyện xin thôi làm công chức thanh tra chuyên ngành;

- Không hoàn thành nhiệm vụ công tác thanh tra chuyên ngành trong 02 năm liên tiếp;

- Vi phạm kỷ luật công vụ và bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên;

- Vì lý do khác theo quy định của pháp luật.

b) Quyết định thôi công nhận công chức thanh tra chuyên ngành phải có các thông tin cơ bản sau:

- Căn cứ ban hành quyết định;

- Thông tin về công chức được đề nghị thôi công nhận, gồm: Họ và tên, ngạch công chức, chức vụ đang giữ, lĩnh vực được giao thanh tra chuyên ngành, làm chuyên trách hoặc kiêm nhiệm;

- Thời điểm tính thôi công nhận công chức thanh tra chuyên ngành.

*6.* Quyết định công nhận hoặc thôi công nhận công chức thanh tra chuyên ngành thực hiện theo mẫu biểu BM 03 và BM 04 của Thông tư này và gửi Thanh tra Bộ 01 bản.

*6. Bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7 như sau:*

**“Điều 7a. Bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với công chức thanh tra chuyên ngành**

1. Cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổng cục, Cục chủ trì phối hợp với Thanh tra Bộ và cơ quan liên quan xây dựng chương trình, tài liệu và kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ thuộc pham vi lĩnh vực quản lý.

3. Công tác thanh tra phải được đào tạo, đào tạo lại hoặc bồi dưỡng cập nhật kiến thức theo chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

4. Kinh phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ cho Tổng cục, Cục và của Sở Khoa học và Công nghệ cho Chi cục. Kinh phí cho cán bộ công chức, viên chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó chi trả.”

*7. Bổ sung Điều 7b vào sau Điều 7a như sau:*

**“Điều 7b. Điều kiện đảm bảo hoạt động thanh tra chuyên ngành**

1. Hoạt động thanh tra được trang bị thiết bị và phương tiện làm việc theo quy định của pháp luật. Khi đi công tác, hoạt động thanh tra được trang bị các phương tiện làm việc và thiết bị sau để phục vụ hoạt động thanh tra:

a) Máy tính xách tay;

b) Thiết bị chụp ảnh, ghi âm, ghi hình;

c) Các thiết bị kỹ thuật chuyên dùng;

d) Các thiết bị phụ trợ khác phục vụ cho hoạt động thanh tra.

2. Ngoài những phương tiện, thiết bị kỹ thuật nêu tại khoản 1 Điều này, Thanh tra Bộ phối hợp với Tổng cục, Cục lập danh mục thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra trình Bộ trưởng phê duyệt.

3. Phương tiện đi lại; phương tiện thông tin, liên lạc; báo cáo, trao đổi nghiệp vụ:

a) Căn cứ nguồn kinh phí của cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, cơ quan thực hiện chức năng thanh tra được trang bị xe ô tô chuyên dùng để thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

b) Thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được sử dụng thiết bị kỹ thuật và phương tiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để phục vụ cho hoạt động thanh tra.

4. Kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại Điều này được đảm bảo từ dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở, Tổng cục, Cục, Chi cục và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật”.

*8. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:*

“**Điều 15. Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành**

1. Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành *khoa học và công nghệ* do Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ cấp cho *công chức thanh tra chuyên ngành thuộc Tổng cục, Cục, Chi cục* để thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm sử dụng Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành vào mục đích khác.

2. Thanh tra Bộ thống nhất in ấn, quản lý phôi thẻ công chức thanh tra chuyên ngành *khoa học và công nghệ*. Kinh phí làm phôi thẻ do ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được duyệt cho Thanh tra Bộ.

3. Niên hạn sử dụng thẻ là 05 năm kể từ ngày cấp”.

*9. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 16 như sau:*

“7. Mã số Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành:

Mỗi công chức thanh tra chuyên ngành được cấp một mã số Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành.

Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành của *Tổng cục, Cục thuộc Bộ* có mã số cơ quan chung là A08, kèm theo *ký hiệu viết tắt* tên đơn vị quản lý trực tiếp công chức thanh tra chuyên ngành và số thứ tự bắt đầu từ 001. *Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành của Chi cục có mã số cơ quan là mã số tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, kèm theo ký hiệu viết tắt tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và số thứ tự bắt đầu từ 001*. Mã số Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành cụ thể như sau:

a) Mã số thẻ công chức thanh tra chuyên ngành thuộc Tổng cục: A08-TĐC-...;

b) Mã số thẻ công chức thanh tra chuyên ngành thuộc Cục: A08-CATBXHN-....;

*c) Mã số thẻ công chức thanh tra chuyên ngành thuộc Chi cục: T01-HN-…”*

*10. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:*

“**Điều 17. Thủ tục cấp mới, cấp đổi, cấp lại và thu hồi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành**

1. *Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chi cục trưởngđề nghị Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ* cấp mới, cấp đổi, cấp lại và thu hồi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành *đối với công chức thuộc Tổng cục, Cục, Chi cục.*

2. Cấp mới Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành trong trường hợp công chức được công nhận công chức thanh tra chuyên ngành lần đầu.

3. Đổi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành trong các trường hợp sau:

a) Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành đã hết hạn sử dụng;

b) Thay đổi mã số thẻ;

c) Thay đổi tên cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

d) Khi có quy định mới về mẫu thẻ;

đ) Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành đang sử dụng bị hư hỏng.

4. Hồ sơ cấp mới, cấp đổi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp mới, cấp đổi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành của Tổng cục trưởng, Cục trưởng, *Chi cục trưởng*;

*b)* Danh sách người được đề nghị cấp Thẻ công chức thanh tra ngành theo mẫu biểu BM 02 của Thông tư này;

*c)* Quyết định công nhận công chức thanh tra chuyên ngành (bản sao);

*d)* 02 ảnh màu chân dung cá nhân, kiểu chứng minh thư khổ 23mm x 30mm, ảnh chụp không quá 06 tháng, ghi rõ họ tên, cơ quan, đơn vị phía sau ảnh và trên phong bì đựng ảnh của từng người;

*đ)* Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành cũ đối với trường hợp cấp đổi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành.

5. Cấp lại Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành

a) Công chức thanh tra chuyên ngành được xem xét cấp lại thẻ trong trường hợp bị mất do nguyên nhân khách quan, không thuộc trường hợp thu hồi theo quy định tại khoản 6 Điều này.

b) Hồ sơ cấp lại Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại thẻ, trong đó báo cáo, giải trình việc mất thẻ của công chức thanh tra chuyên ngành có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp;

- Văn bản đề nghị của Tổng cục trưởng, Cục trưởng, *Chi cục trưởng;*

- Danh sách người được đề nghị cấp Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành theo mẫu biểu BM 02 của Thông tư này;

- 02 ảnh màu chân dung cá nhân, kiểu chứng minh thư khổ 23mm x 30mm, ảnh chụp không quá 06 tháng, ghi rõ họ tên, cơ quan, đơn vị phía sau ảnh và trên phong bì đựng ảnh của từng người.

6. Các trường hợp thu hồi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành:

a) Công chức thanh tra chuyên ngành có quyết định thôi công nhận công chức thanh tra chuyên ngành;

b) Công chức thanh tra chuyên ngành có quyết định buộc thôi việc hoặc bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc theo quy định của pháp luật;

c) Công chức thanh tra chuyên ngành nghỉ hưu hoặc từ trần, mất tích khi đang công tác;

d) Công chức thanh tra chuyên ngành bị tòa án kết tội bằng bản án có hiệu lực pháp luật;

đ) Trường hợp đổi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành quy định tại *k*hoản 3 Điều 17 của Thông tư này hoặc Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành cấp không đúng quy định;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7. Căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các trường hợp quy định tại *k*hoản 6 Điều này, Tổng cục trưởng, Cục trưởng, *Chi cục trưởng đề nghị Chánh thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định* thu hồi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành. Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chi cục trưởng tiến hành thu hồi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành,*tiến hành* cắt góc thẻ *sau khi có quyết định thu hồi Thẻ công chức thanh tra chuyên ngành của Chánh Thanh tra Bộ* .”

*11. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:*

“**Điều 18. Trang phục của công chức thanh tra chuyên ngành**

1. Trang phục của công chức thanh tra chuyên ngành được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-TTCP ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về trang phục của cán bộ, thanh tra viên, công chức, viên chức thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước và quy định như sau:

*a) Tổng cục trưởng, Cục trưởng được cấp trang phục, cầu vai, cấp hàm như Chánh Thanh tra Bộ; Phó Tổng cục trưởng, Phó Cục trưởng được cấp trang phục, cầu vai, cấp hàm như Phó Chánh Thanh tra Bộ;* Chi cục trưởng *được cấp trang phục, cầu vai, cấp hàm như Chánh Thanh tra Sở; Phó Chi cục trưởng được cấp trang phục, cầu vai, cấp hàm như Phó Chánh Thanh tra Sở;*

*b)* Thủ trưởng, cấp phó của thủ trưởng bộ phận tham mưu thanh tra chuyên ngành của Tổng cục, Cục được cấp trang phục, cầu vai, cấp hàm như với Trưởng phòng, Phó trưởng phòng thuộc Thanh tra Bộ;

*c)* Công chức thanh tra chuyên ngành không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý *hoặc giữ chức vụ cấp phòng* của *Chi cục* được cấp trang phục *tương đương theo ngạch công chức* như với thanh tra viên, *thanh tra viên chính, thanh tra viên cao cấp*.

2. Kinh phí may, sắm trang phục của công chức thanh tra chuyên ngành do ngân sách nhà nước cấp và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan quản lý công chức thanh tra chuyên ngành”.

*12. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:*

“**Điều 20. Trách nhiệm quản lý đối với công chức thanh tra chuyên ngành của Tổng cục trưởng, Cục trưởng, *Chi cục trưởng***

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của công chức thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật thanh tra.

2. Đảm bảo điều kiện hoạt động, các chế độ và chính sách đối với công chức thanh tra chuyên ngành theo quy định.

3. Cử công chức thanh tra chuyên ngành tham gia *tập huấn*, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra theo quy định.

4. Đánh giá công chức thanh tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý trực tiếp theo quy định.

5. Quản lý, kiểm tra việc sử dụng trang phục, cấp hiệu, biển hiệu, Thẻ thuộc phạm vi quản lý trực tiếp.

6. Thực hiện chế độ khen thưởng, kỷ luật công chức thanh tra chuyên ngành theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

7. Tổng hợp, báo cáo số lượng và tình hình thực hiện nhiệm vụ của công chức thanh tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

8. Rà soát, tổng hợp danh sách cán bộ, công chức đang giữ các ngạch thanh tra của Tổng cục, Cục*, Chi cục* và báo cáo Hội đồng xét chuyển ngạch công chức của Bộ để miễn nhiệm và chuyển sang ngạch công chức tương đương theo quy định của pháp luật.

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật”.

*13. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:*

“**Điều 22. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan có công chức, viên chức được trưng tập, *đề nghị tham gia đoàn thanh tra chuyên ngành***

1. Cử, bố trí công chức, viên chức được trưng tập, *đề nghị* tham gia Đoàn thanh tra theo công văn trưng tập, *đề nghị* của cơ quan trưng tập cộng tác viên thanh tra, *cơ quan đề nghị tham gia đoàn thanh tra chuyên ngành.*

2. Phối hợp với Thủ trưởng cơ quan trưng tập cộng tác viên thanh tra, *cơ quan đề nghị tham gia Đoàn thanh tra*, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cộng tác viên thanh tra, *tham gia Đoàn thanh tra* thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Sử dụng ý kiến nhận xét của cơ quan trưng tập cộng tác viên thanh tra, *cơ quan đề nghị tham gia Đoàn thanh tra* trong việc đánh giá, bình xét thi đua - khen thưởng và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức được trưng tập”.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 12 năm 2017.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Thanh tra Bộ, Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Chánh Thanh tra Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra Sở, Chi cục trưởng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Thanh tra Bộ) để kịp thời sửa đổi, bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quanngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;  - Công báo VPCP;  - Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;  - Lưu: VT, TĐC. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Trần Văn Tùng** |